

Số: 01/ĐA-UBND

Quy Nhơn, ngày 23 tháng 02 năm 2024

**BẢN TÓM TẮT ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

**I. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA
THÀNH PHỐ QUY NHƠN GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

Thành phố Quy Nhơn nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Bình Định; phía Đông là biển Đông, phía Tây giáp huyện Tuy Phước, phía Bắc giáp huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát, phía Nam giáp thị xã Sông Cầu của tỉnh Phú Yên; có tổng diện tích tự nhiên 286,06 km², quy mô dân số 319.208 người⁽¹⁾; là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Bình Định, được Thủ tướng Chính phủ công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh vào ngày 25/01/2010⁽²⁾.

Hiện nay, thành phố có 21 đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã trực thuộc. Theo quy định tại Điểm 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì có 05 ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính nên thuộc diện phải sắp xếp trong giai đoạn 2023 – 2025.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phân đầu xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành đô thị văn minh, hiện đại, bên cạnh việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh thì vấn đề sắp xếp, tổ chức hợp lý hệ thống ĐVHC cấp xã của thành phố theo chủ trương của Đảng, Nhà nước là nhiệm vụ cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tập trung được mọi nguồn lực và phát huy tốt các tiềm năng, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Sắp xếp ĐVHC đô thị cấp xã thành ĐVHC đô thị cùng cấp.

1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 phường: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Thị Nại thành 01 ĐVHC.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở của việc sắp xếp ĐVHC

+ Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 -

⁽¹⁾ Số liệu tại được cung cấp tại Công văn số 1487/SNV-XDCQ&CTTN ngày 25/8/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Định.

⁽²⁾ Quyết định số 159/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.

+ Việc sáp nhập để giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC gắn với tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

+ Các phường thực hiện sáp nhập có địa giới hành chính liền kề nhau.

- *Lý do của việc sắp xếp ĐVHC*

Theo quy định tại Điểm 2, Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì phường Trần Hưng Đạo có diện tích tự nhiên: 0,47 km² (đạt 8,5% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 10.001 người (đạt 142,9% so với tiêu chuẩn); phường Lê Lợi có diện tích tự nhiên: 0,57 km² (đạt 10,4% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 14.090 người (đạt 201,3% so với tiêu chuẩn) nên thuộc diện phải sắp xếp.

Phường Thị Nại có diện tích tự nhiên: 1,9 km² (đạt 34,5% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 12.367 người (đạt 176,7% so với tiêu chuẩn) nên không thuộc diện phải sắp xếp. Tuy nhiên, vì tổng diện tích tự nhiên của 02 phường: Trần Hưng Đạo và Lê Lợi chưa đảm bảo tiêu chuẩn, trong khi phường Thị Nại có vị trí liền kề và trước đây được thành lập theo Nghị định số 70/1998/NĐ-CP ngày 04/9/1998 của Chính phủ trên cơ sở có điều chỉnh 14,3 ha diện tích tự nhiên và 4.121 nhân khẩu của phường Trần Hưng Đạo nên việc sáp nhập 03 phường này thành 01 ĐVHC để đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định là phù hợp.

b) Kết quả sau sắp xếp thì ĐVHC cấp xã mới hình thành có:

- Diện tích tự nhiên: 2,94 km² (đạt 53,5% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 36.458 người (đạt 520,8% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là đồng bào dân tộc thiểu số: 146 người.

- Giới cận của ĐVHC:

+ Phía Bắc giáp Đầm Thị Nại.

+ Phía Đông giáp phường Hải Cảng.

+ Phía Tây giáp phường Đống Đa và phường Trần Phú (mới).

+ Phía Nam giáp Biển và phường Trần Phú (mới).

- *Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC:* Sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của UBND phường Lê Lợi (số 10 đường Hai Bà Trưng – TP Quy Nhơn).

- Đặt tên ĐVHC mới hình thành là phường “Thị Nại” (giữ lại tên gọi hiện nay của phường Thị Nại).

- Đánh giá các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC:

+ Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt được 100% tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh	Kết quả	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ		Đủ
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	0% (tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm gần nhất của thành phố là 0,11%)	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	-	-	
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	80%	98%	Đạt

+ Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Có 12/13 tiêu chuẩn đạt theo quy định. Cụ thể:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị	Kết quả	Đánh giá
			Loại I		
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	03 Trạm Y tế đều đạt tiêu chuẩn theo quy định	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	01 Trung tâm Thương mại, 02 chợ hạng 1	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	0,89	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,3	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.367	Đạt

7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 9	9,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,2	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	85% (tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao: ≥ 40%)	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	7,41	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

2. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 phường: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt thành 01 ĐVHC.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Cơ sở của việc sắp xếp ĐVHC

+ Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

+ Việc sáp nhập để giảm số lượng, tăng quy mô ĐVHC gắn với tinh gọn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

+ Các phường thực hiện sáp nhập có địa giới hành chính liền kề nhau.

- Lý do của việc sắp xếp ĐVHC

Theo quy định tại Điểm 2, Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì phường Trần Phú có diện tích tự nhiên: 0,66 km² (đạt 12% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 11.541 người (đạt 164,9% so với tiêu chuẩn); phường Lê Hồng Phong có diện tích tự nhiên: 0,97 km² (đạt 17,6% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 17.954 người (đạt 256,5% so với tiêu chuẩn); phường Lý Thường Kiệt có diện tích tự nhiên: 0,69 km² (đạt 12,5% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 9.311 người (đạt 133% so với tiêu chuẩn) nên thuộc diện phải sắp xếp.

b) Kết quả sau sắp xếp thí ĐVHC cấp xã mới hình thành có:

- Diện tích tự nhiên: 2,32km² (đạt 42,2% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 38.806 người (đạt 554,4% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là đồng bào dân tộc thiểu số: 61 người.

- Giới cận của ĐVHC:

- + Phía Bắc và phía Đông giáp phường Thị Nại (mới).
- + Phía Tây giáp phường Đông Đa và phường Ngô Mây.
- + Phía Nam giáp Biên và phường Nguyễn Văn Cừ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Sử dụng trụ sở làm việc hiện tại của UBND phường Lý Thường Kiệt (số 88 đường Phạm Hùng – TP Quy Nhơn).

- Đặt tên ĐVHC mới hình thành là phường “Trần Phú” (giữ lại tên gọi hiện nay của phường Trần Phú).

- Đánh giá các tiêu chuẩn còn lại theo quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC:

+ Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt được 100% tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Phường thuộc thành phố thuộc tỉnh	Kết quả	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ		Đủ
2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước (lần)	-	-	-
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất (%)	-	-	-
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	0,05% (tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm gần nhất của thành phố là 0,11%)	Đạt
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	-	-	
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	80%	96%	Đạt

+ Các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Có 12/13 tiêu chuẩn đạt theo quy định. Cụ thể:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Loại đô thị	Kết quả	Đánh giá
			Loại I		
1	Trạm y tế	Công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	03 Trạm Y tế đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	Công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	01 Trung tâm Thương mại, 01 chợ hạng 2 và 01 chợ hạng 3	Đạt

3	Cơ sở giáo dục	%	100% công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục hoặc đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	100%	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	0,73	Chưa đạt
5	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	5,85	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥ 750	1.154	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 9	14,633	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 95	100	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	4,985	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	89% (tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao: ≥ 40%)	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	12,22	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 90	100	Đạt

III. KẾT QUẢ SAU SẮP XẾP

1. Số lượng ĐVHC cấp xã của thành phố Quy Nhơn trước khi sắp xếp: 21 đơn vị (gồm 16 phường, 05 xã).
2. Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp: 17 đơn vị (gồm 12 phường, 05 xã).
3. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: 04 phường.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA VIỆC THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Thuận lợi

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa chủ trương của Đảng; sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định pháp luật, tạo thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Định và Ban Thường vụ Thành ủy, UBND thành phố Quy Nhơn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao; cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh, Kế hoạch của UBND thành phố về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025; công tác tuyên truyền, phổ biến được triển khai đồng bộ, sâu rộng giúp cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp Nhân dân nâng cao nhận thức, đồng tình ủng hộ với chủ trương của Đảng, nhà nước trong thực hiện sắp xếp ĐVHC.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Thành phố Quy Nhơn có 05 ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn và 01 ĐVHC liên quan phải thực hiện việc sắp xếp trong cùng một thời điểm nên tác động lớn đến tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở; nhiều cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư cần phải giải quyết hợp lý.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các ĐVHC hình thành sau sắp xếp có thể sẽ gặp khó khăn, nhất là việc bố trí các chức danh cán bộ lãnh đạo.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

Sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn là nhiệm vụ rất quan trọng, khối lượng công việc phải thực hiện rất nhiều, tác động trực tiếp đến nhiều đối tượng, nhất là việc sắp xếp, kiện toàn, đảm bảo cho tổ chức bộ máy ở ĐVHC mới hình thành sớm đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả.

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

- Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp ĐVHC nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, dư luận xã hội trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

- Xác định rõ lộ trình, các công việc phải thực hiện trong từng năm của giai đoạn 2023-2025, bảo đảm phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

- Phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, sự phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị thành phố và UBND các phường thực hiện sắp xếp; phát huy tính chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị gắn với tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, chất lượng và hiệu quả.

Trên đây là Bản tóm tắt Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2023-2025. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thường trực Thành ủy (báo cáo);
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thành viên BCĐ của thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Phòng Nội vụ thành phố;
- UBND các phường: Thị Nại, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt.
- VP (LĐ+C16);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ngô Hoàng Nam

DANH MỤC
CÁC VĂN BẢN, CHỦ TRƯỞNG, ĐỊNH HƯỚNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC
VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH



Số TT	Văn bản	Ghi chú
01	Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	
02	Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.	
03	Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030.	
04	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.	
05	Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	
06	Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.	
07	Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.	
08	Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030.	
09	Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.	
10	Công văn số 609-CV/TU ngày 23/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định về việc thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị.	
11	Kết luận số 294-KL/TU ngày 14/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định thống nhất Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định.	
12	Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.	
13	Phương án tổng thể số 01/PA-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Định.	



STT	HỌ TÊN VÀ NGÀY SINH	CHỨC VỤ
01
02
03
04
05
06
07
08
09
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20